

Số: 88 /QĐ-SYT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 01 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh
theo Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư 41/2011/TT-BYT ngày 14/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc Hướng dẫn cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế về Quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 25/2009/QĐ-UBND ngày 27/3/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Y tế thành phố;

Xét hồ sơ đề nghị phê duyệt danh mục kỹ thuật khám chữa bệnh ngày 01/12/2017 của phòng khám chuyên khoa răng hàm mặt do BS Hồ Quang Quý chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật;

Xét Biên bản thẩm định ngày 27/12/2017 của Sở Y tế về cấp Giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của phòng khám chuyên khoa răng hàm mặt do BS Hồ Quang Quý chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật;

Xét Biên bản họp Hội đồng chuyên môn kỹ thuật Sở Y tế ngày 08/01/2018 thẩm định danh mục kỹ thuật cho của phòng khám chuyên khoa răng hàm mặt do BS Hồ Quang Quý chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Nay phê duyệt Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh theo Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ Y tế thực hiện phòng khám chuyên khoa răng hàm mặt do BS Hồ Quang Quý chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật, tại địa 151, đường Nguyễn Sơn, Phường Phú Thạnh, Quận Tân Phú, TP.HCM (theo danh mục đính kèm).

Điều 2. Danh mục chuyên môn kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh được phê duyệt là cơ sở pháp lý cho việc thực hiện kỹ thuật, chuyển tuyến, thanh toán chi phí khám chữa bệnh và là cơ sở để đơn vị phấn đấu phát triển chuyên môn kỹ thuật.

Điều 3. BS Hồ Quang Quý chịu trách nhiệm đảm bảo về cơ sở vật chất, trang thiết bị và nhân lực có trình độ chuyên môn phù hợp để thực hiện các kỹ thuật theo đúng các quy định chuyên môn và quy trình kỹ thuật. Khi không đủ điều kiện thực hiện kỹ thuật đã được phê duyệt thì cơ sở phải chuyển người bệnh đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thích hợp để điều trị.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5. Các Ông, Bà: Chánh Văn phòng, Trưởng/Phó các phòng chức năng thuộc Sở, Chánh Thanh tra Sở, các tổ chức có liên quan và BS Hồ Quang Quý chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /*ĐHL*

Nơi nhận:

- Như điều 5;
- Ban Giám đốc Sở (để báo cáo);
- Phòng Y tế Quận Tân Phú (để biết);
- Công Thông tin Điện tử SYT (để đăng tin);
- Lưu: VT, NVY.
- “NTT, LHNT, 04”



Chứng thực bản sao đúng với bản chính
Số chứng thực 18075 Quyển số 01 SCT/BS

Tăng Chí Thượng

Ngày 18-09-2024

Trưởng phòng Tư pháp quận Tân Phú



Nguyễn Hùng Vương



Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh theo Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 14/12/2013 của Bộ Y tế thực hiện phòng khám chuyên khoa răng hàm mặt do BS Hồ Quang Quý chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật

(Ban hành kèm theo Quyết định số : 88 /QĐ-SYT ngày 19 tháng 01 năm 2018 của Sở Y tế TP.HCM)

I. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC

STT	TT 43/2013	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
	1	2	3			
			A	B	C	D
		B. HÔ HẤP				
1	53.	Đặt canuyn mũi hầu, miệng hầu	x	x	x	x
2	65.	Bóp bóng ambu qua mặt nạ	x	x	x	x

XVI. RĂNG HÀM MẶT

STT	TT 43/2013	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
	1	2	3			
			A	B	C	D
		A. RĂNG				
3	39	Điều trị áp xe quanh răng cấp	x	x		
4	40	Điều trị áp xe quanh răng mạn	x	x		
5	41.	Điều trị viêm quanh răng	x	x	x	
6	42.	Chích áp xe lợi	x	x	x	x
7	43.	Lấy cao răng	x	x	x	x
8	50.	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội	x	x		
9	52.	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng trạm xoay cầm tay	x	x		
10	57.	Chụp tủy bằng Hydroxit canxi	x	x	x	
11	61.	Điều trị tủy lại	x	x	x	x
12	70	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Glasslonomer Cement	x	x	x	x
13	71	Phục hồi cổ răng bằng Glasslonomer Cement				
14	72.	Phục hồi cổ răng bằng Composite	x	x	x	
15	73	Phục hồi thân răng có sử dụng pin ngà				
16	79.	Tẩy trắng răng tủy sống có sử dụng đèn Plasma	x	x		
17	82.	Tẩy trắng răng tủy sống bằng máng thuốc	x	x	x	
18	83.	Điều trị nhạy cảm ngà bằng máng với thuốc chống ê buốt	x	x	x	
19	84.	Điều trị nhạy cảm ngà bằng thuốc bôi (các loại)	x	x	x	x
20	104.	Chụp nhựa	x	x	x	
21	105.	Chụp kim loại	x	x	x	
22	106.	Chụp hợp kim thường cần nhựa	x	x	x	

23	107.	Chụp hợp kim thường cần sứ	x	x	x	
24	108.	Chụp hợp kim Titanium cần sứ	x	x	x	
25	109.	Chụp sứ toàn phần	x	x	x	
26	112.	Cầu nhựa	x	x	x	
27	113.	Cầu hợp kim thường	x	x	x	
28	114	Cầu kim loại cần nhựa				
29	115.	Cầu kim loại cần sứ	x	x	x	
30	116.	Cầu hợp kim Titanium cần sứ	x	x	x	
31	117.	Cầu kim loại quý cần sứ	x	x	x	
32	118.	Cầu sứ toàn phần	x	x	x	
33	119.	Cầu sứ Cercon	x	x		
34	120.	Chốt cùi đúc kim loại	x	x		
35	121.	Cùi đúc Titanium	x	x		
36	127	Veneer Composite gián tiếp	x	x	x	
37	128	Veneer sứ toàn phần	x	x	x	
38	129.	Hàm giả tháo lắp bán phần nền nhựa thường	x	x	x	x
39	130.	Hàm giả tháo lắp toàn phần nền nhựa thường	x	x	x	x
40	131.	Hàm giả tháo lắp bán phần nền nhựa dẻo	x	x	x	
41	132	Hàm giả tháo lắp toàn phần nền nhựa dẻo				
42	133	Hàm khung kim loại				
43	136.	Điều trị thói quen nghiến răng bằng máng	x	x	x	x
44	137.	Tháo cầu răng giả	x	x	x	
45	138.	Tháo chụp răng giả	x	x	x	
46	139.	Sửa hàm giả gãy	x	x	x	x
47	140.	Thêm răng cho hàm giả tháo lắp	x	x	x	x
48	141.	Thêm móc cho hàm giả tháo lắp	x	x	x	x
49	142.	Đệm hàm nhựa thường	x	x	x	x
50	199.	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch hàm trên	x	x		
51	203.	Nhổ răng vĩnh viễn	x	x	x	
52	204.	Nhổ răng vĩnh viễn lung lay	x	x	x	
53	205.	Nhổ chân răng vĩnh viễn	x	x	x	
54	213.	Cắt lợi xơ cho răng mọc	x	x	x	
55	214.	Cắt lợi trùm răng khôn hàm dưới	x	x	x	
56	221	Điều trị viêm quanh thân răng cấp	x	x	x	
57	224	Trám bít hố rãnh với Composite quang trùng hợp	x	x	x	
58	225	Trám bít hố rãnh bằng nhựa Sealant	x	x	x	
59	226	Trám bít hố rãnh bằng Glasslonomer Cement	x	x	x	x
60	227	Hàn răng không sang chấn với Glasslonomer Cement	x	x	x	x
61	228	Phòng ngừa sâu răng với thuốc bôi bề mặt	x	x	x	
62	229	Dự phòng sâu răng bằng máng có Gel Fluor	x	x	x	
63	230	Điều trị răng sữa viêm tủy có hồi phục	x	x	x	
64	231	Lấy tủy buồng răng sữa	x	x	x	
65	232	Điều trị tủy răng sữa	x	x	x	

Handwritten signature/initials

66	233	Điều trị đóng cuống răng bằng Canxi Hydroxit	x	x	x	
67	236	Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng Glasslonomer Cement	x	x	x	x
68	237	Phục hồi thân răng sữa bằng chụp thép làm sẵn	x	x	x	
69	238.	Nhổ răng sữa	x	x	x	x
70	239.	Nhổ chân răng sữa	x	x	x	x
71	240.	Chích Apxe lợi trẻ em	x	x	x	x
72	241.	Điều trị viêm lợi trẻ em (do mảng bám)	x	x	x	x

Handwritten signature



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 776 /QĐ-SYT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh đủ điều kiện thực hiện tại Phòng khám chuyên khoa răng hàm mặt tại địa chỉ số 151 Nguyễn Sơn, phường Phú Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 29/2022/QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố về Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế Thành phố;

Căn cứ Quyết định 8972/QĐ-SYT ngày 26 tháng 5 năm 2023 của Sở Y tế về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Chuyên môn kỹ thuật Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh; Quyết định 3735/QĐ-SYT ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Sở Y tế về kiện toàn thành viên Hội đồng Chuyên môn kỹ thuật Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Giấy phép hoạt động số 00301/HCM-GPHĐ ngày 19 tháng 01 năm 2018 của Sở Y tế đối với phòng khám chuyên khoa răng hàm mặt tại địa chỉ số 151 Nguyễn Sơn, phường Phú Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của bác sĩ Hồ Quang Quý tại hồ sơ số H29.19-240502-0018 ngày 04 tháng 6 năm 2024 về việc điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh đối với Phòng khám chuyên khoa răng hàm mặt tại địa chỉ số 151 Nguyễn Sơn, phường Phú Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh (bổ sung danh mục kỹ thuật);

Theo đề nghị của Tổ thẩm định Sở Y tế tại Biên bản thẩm định ngày 24 tháng 7 năm 2024 về điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với Phòng khám chuyên khoa răng hàm mặt tại địa chỉ số 151 Nguyễn Sơn, phường Phú Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh;

Xm

Theo đề nghị của Hội đồng chuyên môn kỹ thuật Sở Y tế tại Biên bản ngày 24 tháng 7 năm 2024 về việc phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật thực hiện tại Phòng khám chuyên khoa răng hàm mặt, địa chỉ số 151 Nguyễn Sơn, phường Phú Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Phòng Nghiệp vụ Y, Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh theo Thông tư số 43/2013/TT-BYT thực hiện tại Phòng khám chuyên khoa răng hàm mặt, địa chỉ số 151 Nguyễn Sơn, phường Phú Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh (danh mục kỹ thuật đính kèm).

Điều 2. Danh mục chuyên môn kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh được phê duyệt là cơ sở pháp lý cho việc thực hiện kỹ thuật, chuyên tuyến, thanh toán chi phí khám chữa bệnh và là cơ sở để đơn vị phân đấu phát triển chuyên môn kỹ thuật.

Điều 3. Phòng khám chuyên khoa răng hàm mặt tại địa chỉ số 151 Nguyễn Sơn, phường Phú Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh và bác sĩ chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật chịu trách nhiệm đảm bảo về cơ sở vật chất, trang thiết bị và nhân lực có trình độ chuyên môn phù hợp để thực hiện danh mục kỹ thuật đã được phê duyệt theo đúng các quy định chuyên môn và quy trình kỹ thuật. Khi không đủ điều kiện thực hiện kỹ thuật đã được phê duyệt thì đơn vị phải chuyển người bệnh đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thích hợp để điều trị.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5. Các Ông, Bà: Chánh Văn phòng, Trưởng các phòng chức năng thuộc Sở, Chánh Thanh tra Sở, các tổ chức, cá nhân có liên quan, Phòng khám chuyên khoa răng hàm mặt, địa chỉ số 151 Nguyễn Sơn, phường Phú Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh và bác sĩ chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như điều 5;
- GD và các PGD Sở;
- Phòng Y tế quận Tân Phú;
- Công TTĐT Sở Y tế;
- Lưu: VT, NVY (NĐĐT).

Chứng thực bản sao đúng với bản chính
Số chứng thực 17905 Quyển số 01 SGT/BS
Ngày 16-09-2024

Phó Trưởng phòng Tư pháp quận Tân Phú



Kiều Việt Dũng



Nguyễn Anh Dũng

**DANH MỤC KỸ THUẬT TRONG KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH THỰC HIỆN TẠI
PHÒNG KHÁM CHUYÊN KHOA RĂNG HÀM MẬT, ĐỊA CHỈ SỐ 151 NGUYỄN SƠN,
PHƯỜNG PHÚ THẠNH, QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

(Kèm theo Quyết định số: **XXC/QĐ-SYT** ngày **16** tháng **8** năm **2024** của Sở Y tế)

TT	TT 43/201 3	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
	1	2	3			
			A	B	C	D
		CHƯƠNG XVI. RĂNG HÀM MẬT				
		A. RĂNG				
1.	11	Cấy ghép Implant tức thì sau nhổ răng	x	x		
2.	12	Phẫu thuật tăng lợi sừng hóa quanh Implant	x	x		
3.	14	Máng hướng dẫn phẫu thuật cấy ghép Implant	x	x		
4.	29	Phẫu thuật che phủ chân răng bằng vật trượt đẩy sang bên	x	x		
5.	31	Phẫu thuật vạt niêm mạc làm tăng chiều cao lợi dính	x	x		
6.	33	Phẫu thuật cắt lợi điều trị túi quanh răng	x	x		
7.	34	Phẫu thuật vạt điều trị túi quanh răng	x	x		
8.	35	Phẫu thuật nạo túi lợi	x	x		
9.	36	Phẫu thuật tạo hình nhú lợi	x	x		
10.	37	Liên kết cố định răng lung lay bằng nẹp kim loại	x	x		
11.	38	Liên kết cố định răng lung lay bằng dây cung kim loại và Composite	x	x		
12.	44	Điều trị tủy răng có sử dụng siêu âm và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội.	x	x		
13.	53	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy có sử dụng trâm xoay cầm tay	x	x		
14.	54	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng trâm xoay máy	x	x		
15.	67	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Glasslonomer Cement (GIC) kết hợp Composite	x	x		
16.	68	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Composite	x	x	x	
17.	76	Phục hồi thân răng bằng Inlay/Onlay	x	x		
18.	77	Phục hồi thân răng có sử dụng chốt chân răng bằng các vật liệu khác nhau	x	x		
19.	81	Tẩy trắng răng nội tủy	x	x		
20.	85	Chụp sứ kim loại thường gắn bằng ốc vít trên Implant	x	x		
21.	86	Chụp sứ Titanium gắn bằng ốc vít trên Implant	x	x		
22.	88	Chụp sứ toàn phần gắn bằng ốc vít trên Implant	x	x		
23.	89	Chụp sứ kim loại thường gắn bằng cement trên Implant	x	x		
24.	90	Chụp sứ Titanium gắn bằng cement trên Implant	x	x		
25.	91	Chụp sứ kim loại quý gắn bằng cement trên Implant	x	x		
26.	92	Chụp sứ toàn phần gắn bằng cement trên Implant	x	x		
27.	93	Cầu sứ kim loại thường gắn bằng ốc vít trên Implant	x	x		

H.C
S.C
T.I
H.O

H.C.N.L
PHÒNG
TƯ PH
T.M.N.H.U.

Khu

TT	TT 43/201 3	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
	1	2	3			
			A	B	C	D
28.	94	Cầu sứ Titanium gắn bằng ốc vít trên Implant	x	x		
29.	95	Cầu sứ kim loại quý gắn bằng ốc vít trên Implant	x	x		
30.	96	Cầu sứ Cercon gắn bằng ốc vít trên Implant	x	x		
31.	97	Cầu sứ toàn phần gắn bằng ốc vít trên Implants	x	x		
32.	98	Cầu sứ kim loại thường gắn bằng cement trên Implant	x	x		
33.	99	Cầu sứ Titanium gắn bằng cement trên Implant	x	x		
34.	100	Cầu sứ kim loại quý gắn bằng cement trên Implant	x	x		
35.	101	Cầu sứ toàn phần gắn bằng cement trên Implant	x	x		
36.	102	Hàm giả toàn phần dạng cúc bấm tựa trên Implant	x	x		
37.	103	Hàm giả toàn phần dạng thanh ngang tựa trên Implant	x	x		
38.	110	Chụp kim loại quý cần sứ	x	x	x	
39.	111	Chụp sứ Cercon	x	x		
40.	122	Cùi đúc kim loại quý	x	x		
41.	123	Inlay/Onlay kim loại	x	x		
42.	124	Inlay/Onlay hợp kim Titanium	x	x		
43.	125	Inlay/Onlay kim loại quý	x	x		
44.	126	Inlay/Onlay sứ toàn phần	x	x		
45.	134	Hàm khung Titanium	x	x		
46.	143	Sử dụng khí cụ cố định điều trị thói quen xấu mút môi	x	x		
47.	144	Sử dụng khí cụ cố định điều trị thói quen xấu đẩy lưỡi	x	x		
48.	145	Sử dụng khí cụ cố định điều trị thói quen xấu mút ngón tay	x	x		
49.	146	Lấy lại khoảng bằng khí cụ cố định	x	x		
50.	154	Duy trì kết quả điều trị nắn chỉnh răng bằng khí cụ cố định	x			
51.	160	Nắn chỉnh răng ngầm	x	x		
52.	161	Nắn chỉnh răng lạc chỗ sử dụng khí cụ cố định	x	x		
53.	180	Đóng khoảng bằng khí cụ tháo lắp	x	x		
54.	181	Nong rộng hàm bằng khí cụ tháo lắp	x	x		
55.	183	Duy trì kết quả điều trị nắn chỉnh răng bằng khí cụ tháo lắp	x	x		
56.	184	Nắn chỉnh răng xoay sử dụng khí cụ tháo lắp	x	x		
57.	185	Giữ khoảng răng bằng khí cụ tháo lắp	x	x		
58.	186	Nắn chỉnh răng bằng hàm tháo lắp	x	x		
59.	187	Làm lún các răng cửa hàm dưới sử dụng khí cụ tháo lắp tấm cắn (Bite plate) hoặc mặt phẳng cắn phía trước (Anterior plane)	x	x		
60.	188	Đóng khoảng răng bằng khí cụ tháo lắp	x	x		
61.	189	Sử dụng khí cụ tháo lắp điều trị thói quen xấu mút môi	x	x		
62.	190	Sử dụng khí cụ tháo lắp điều trị thói quen xấu đẩy lưỡi	x	x		
63.	191	Sử dụng khí cụ tháo lắp điều trị thói quen xấu mút ngón tay	x	x		
64.	192	Sử dụng khí cụ tháo lắp điều trị thói quen xấu thở đường miệng	x	x		

kac

TT	TT 43/201 3	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYÊN KỸ THUẬT			
	1	2	3			
			A	B	C	D
65.	193	Gắn band	x	x		
66.	196	Mài chỉnh khớp cắn	x			
67.	200	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch hàm dưới	x	x		
68.	201	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch có cắt thân	x	x		
69.	202	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch có cắt thân chia chân răng	x	x		
70.	206	Nhổ răng thừa	x	x	x	
71.	207	Phẫu thuật nhổ răng có tạo hình xương ổ răng	x	x		
72.	208	Phẫu thuật tạo hình xương ổ răng	x	x		
73.	209	Phẫu thuật mở xương cho răng mọc	x	x		
74.	210	Phẫu thuật nạo quanh cuống răng	x	x		
75.	211	Phẫu thuật cắt cuống răng	x	x		
76.	212	Phẫu thuật cắt, nạo xương ổ răng	x	x		
77.	215	Cắt lợi di động để làm hàm giả	x	x		
78.	216	Phẫu thuật cắt phanh lưỡi	x	x		
79.	217	Phẫu thuật cắt phanh môi	x	x		
80.	218	Phẫu thuật cắt phanh má	x	x		
81.	222	Trám bít hố rãnh với Glassionomer Cement quang trùng hợp	x	x	x	
82.	223	Trám bít hố rãnh với Composite hóa trùng hợp	x	x	x	
		B. HÀM MẶT				
83.	301	Sơ cứu vết thương phần mềm vùng hàm mặt	x	x	x	x
84.	304	Phẫu thuật cắt đường rò luân nhĩ	x	x		
85.	305	Phẫu thuật cắt đường rò môi dưới	x	x		

Các kỹ thuật trên do bác sĩ Hồ Quang Quý thực hiện. *Ho*

